

Nghi lễ hôn nhân của người Mã Liềng

(bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh)

Phạm Khắc Lan^(*)

Tóm tắt: Mã Liềng là một trong số ít nhóm người thiểu số ở Hà Tĩnh còn lưu giữ được nhiều nét văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc, trong đó có nghi lễ hôn nhân. Bài viết tập trung nghiên cứu nghi lễ hôn nhân của người Mã Liềng ở bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, với các nội dung chủ yếu như: quan điểm, các nghi lễ trước và trong đám cưới, cư trú sau hôn nhân; qua đó nhấn mạnh những nét văn hóa đặc sắc cần được bảo tồn và phát huy trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

Từ khóa: Nghi lễ truyền thống, Nghi lễ hôn nhân, Người Mã Liềng

Abstract: Ma Lieng people is known as one of the few ethnic minority groups in Ha Tinh who retain many traditional straits including marriage rituals. The article selectively introduces a case-study of marriage rituals of Ma Lieng people in Rao Tre village, Huong Lien commune, Huong Khe district, Ha Tinh province in terms of beliefs, pre-wedding and wedding ceremonies, and post-marital residence; thereby emphasizing the crucial need for preservation of cultural identities in the face of cultural integration.

Key words: Traditional rituals, Marriage rituals, Ma Lieng people

1. Đặt vấn đề

Mã Liềng là một trong 5 nhóm địa phương (cùng Sách, Mày, Rục, A Rem) hợp thành dân tộc Chứt, thuộc dòng Việt - Mường, họ ngôn ngữ Nam Á (Viện Dân tộc học, 1987: 54-86), dân số khoảng 1.200 người^(**), cư trú chủ yếu ở hai tỉnh Quảng Bình và Hà Tĩnh. Ở Hà Tĩnh chỉ có 41 hộ

với 145 khẩu, cư trú ở bản Rào Tre (xã Hương Liên, huyện Hương Khê). Người Mã Liềng từ bao đời luôn xem hôn nhân là việc đại sự, nền tảng của việc duy trì nòi giống, hạnh phúc gia đình. Họ có quan niệm, phong tục, nghi lễ cưới hỏi mang nét đặc trưng riêng, góp phần tạo nên bức tranh đa màu sắc của các dân tộc ở Việt Nam.

Cho đến nay, người Mã Liềng ở Hà Tĩnh đã được đề cập trong khá nhiều công trình nghiên cứu, nhưng chủ yếu được nhắc đến trong phần địa bàn cư trú, lịch sử tộc người, dân số hay thực trạng về kinh tế, văn hóa, xã hội,..., còn khía cạnh nghi lễ hôn nhân với nhiều giá trị tốt đẹp chưa được

(*) ThS., Nghiên cứu viên Trung tâm KHXH&NV Nghệ An; Email: khaclanhv@gmail.com

(**) Tổng hợp từ danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa; xã Lâm Hóa, xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình; xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

hiều công trình quan tâm. Bài viết nghiên cứu nghi lễ hôn nhân của người Mã Liềng ở bản Rào Tre, xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, qua đó nhấn mạnh những nét văn hóa đặc sắc của tộc người cần được bảo tồn và phát huy trong bối cảnh hiện nay.

2. Quan niệm về hôn nhân

Thanh niên Mã Liềng, nam từ 15-16 tuổi, nữ từ 13-14 tuổi được tự do tìm hiểu, yêu đương, nhưng kết hôn thì phải được sự đồng ý của cha mẹ. Tiêu chuẩn chung để lựa chọn chồng, vợ là gia đình phải đông anh em, người thân. Người Mã Liềng cho rằng, gia đình nào đông con, đông anh em sẽ dễ dàng giúp nhau trong những lúc khó khăn, hoạn nạn, trong sản xuất. Người con gái phải chịu khó, thành thạo các công việc nội trợ và ứng xử lễ phép với cha mẹ, anh chị, họ hàng, dân bản. Người con trai phải khỏe mạnh, thạo việc nương rẫy, đốn củi, bẫy thú, biết quan tâm đến gia đình nhà gái. Người Mã Liềng có quan niệm về “môn đăng hộ đối”, đặc biệt là “môn đăng hộ đối” trong hành vi ứng xử gia đình. Do điều kiện sống tương đồng, các gia đình người Mã Liềng hầu như không có sự khác biệt nhiều về vật chất nên vấn đề “môn đăng hộ đối” về kinh tế có đặt ra nhưng không phải là ưu tiên quan trọng trong hôn nhân.

3. Giai đoạn trước đám cưới

* *Tục ở rể (Cò mà tèm)*

Ở rể là tục lệ bắt buộc đối với nam thanh niên Mã Liềng trước khi lập gia đình. Sau khi tìm được cô gái mà mình ưng ý và muốn ở rể để tiến đến hôn nhân, chàng trai phải vào rừng chặt một bó củi đặt trước nhà cô gái, nếu đồng ý nhà gái sẽ lấy bó củi vào đun nấu, không đồng ý thì để nguyên. Thời gian ở rể thường kéo dài từ 2-3 năm, công việc hàng ngày của chàng rể là đi rừng làm rẫy, bẫy thú,

lấy củi phụ việc cùng cha mẹ cô gái, hoặc theo cô gái vào rừng hái lượm, săn bắn. Trong thời gian ở rể, chàng trai phải thực hiện một số điều kiêng kỵ như: chỉ được sinh hoạt trong một góc phía ngoài buồng bên trái ngôi nhà, không được ăn ngủ chung, không đi lên cầu thang bên phải ngôi nhà, không ngồi gần bếp lửa của nhà gái. Việc ở rể trước hôn nhân là một truyền thống văn hóa tốt đẹp của đồng bào Mã Liềng nhằm mục đích trả công cho nhà vợ, góp phần dạy cho chàng trai và cô gái cách làm ăn để có thể tự túc cuộc sống sau khi thành vợ chồng. Đây cũng là khoảng thời gian để gia đình nhà trai chuẩn bị lễ vật tiến hành đám cưới.

* *Lễ đi hỏi (Lễ Ở xa anh)*

Sau thời gian ở rể, được sự đồng ý của gia đình cô gái, chàng trai về thông báo và mời cha mẹ sang hỏi chuyện đám cưới. Bên nhà trai đi thưa chuyện thường là cha mẹ và anh trai, nếu không còn cha mẹ thì bác, cậu hoặc anh trai có thể thay mặt. Lễ vật nhà trai mang theo gồm: 1 chai rượu, 1 đĩa trầu cau, thuốc lá và 1 bó chè. Trong lễ đi hỏi (lễ hỏi chuyện, lễ thưa chuyện), hai gia đình thống nhất về thời gian tổ chức đám cưới, các bước thực hiện nghi lễ, thành phần tham gia, các lễ vật, nếu hoàn cảnh khó khăn, nhà trai sẽ trình bày để xin nhà gái giảm bớt lễ vật. Hai gia đình cũng thống nhất với nhau sẽ mời ai làm người đại diện và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân của con cái. Lễ hỏi chuyện là lần đầu tiên hai gia đình gặp nhau để bàn về việc hôn nhân của con cái nhưng lại có ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi đây cũng là lần bàn chuyện gần như duy nhất giữa cha mẹ chú rể và cha mẹ cô dâu. Trong các nghi lễ đám cưới về sau, mọi việc hai gia đình giao lại cho người đại diện chứ không được trao đổi trực tiếp.

** Lựa chọn người đại diện cho gia đình nhà trai và nhà gái*

Người đại diện của gia đình nhà trai gồm 2 người đàn ông, gọi là ông Rừng (hay còn gọi là ông Cà Pá - Cà Pá là cái oi mà người đàn ông đi rừng thường mang theo buộc vào hông để thu lượm các thức ăn nhặt được) và ông Cau (hay còn gọi là ông Gá - Gá là cái rá (cái rổ)). Ông Rừng phải là người có uy tín cao đối với dân bản, là người biết nhiều, hiểu rộng, am hiểu sâu về phong tục tập quán, về các lễ nghi, luật tục, có tài ăn nói hoạt bát, có vợ, con cái khỏe mạnh. Ông Cau là một người lớn tuổi trong gia đình nhà trai, thường là bác, chú hay cậu của chú rể, am hiểu về phong tục tập quán, đặc biệt là có kinh nghiệm sắm sửa lễ vật đám cưới. Trong lễ ăn hỏi, ông Cau là người thực hiện theo ý kiến của ông Rừng chuẩn bị hoặc bổ sung thêm các lễ vật mà nhà gái yêu cầu.

Người đại diện cho gia đình nhà gái gọi là ông Thào Ke, là người trong gia đình nhà gái, thường là bác, cậu hay dượng của cô gái, là người khéo ăn nói, hiểu biết về phong tục tập quán. Quy định của người Mã Liềng về người đại diện không cứng nhắc mà có thể chuyển đổi vai trò đại diện tùy theo từng nghi thức cưới hỏi. Trong lễ ăn hỏi, ông Rừng, ông Cau là người đại diện cho gia đình nhà trai đến hỏi cưới nhà cô gái; ngược lại trong lễ giao dâu, ông Rừng, ông Cau lại là người đại diện cho gia đình nhà gái đưa dâu sang giao cho gia đình nhà trai. Trong các nghi lễ cúng ma bếp, ma nhà, ma rừng bắt buộc phải có sự chứng kiến của ông Rừng, ông Cau.

** Lễ ăn hỏi (Lễ Ha anh)*

Thường sau lễ thưa chuyện 1-2 tuần, người Mã Liềng tổ chức lễ ăn hỏi. Đây là nghi lễ quan trọng nhất cho một cuộc hôn nhân của người Mã Liềng, bởi có thể trong

lễ thưa chuyện nhà gái đã đồng ý tổ chức lễ cưới nhưng trong lễ ăn hỏi nhà gái vẫn có thể “lật kèo” từ chối, hoặc gây khó dễ cho gia đình nhà trai. Anh Hồ Nam (sinh năm 1987, bản Rào Tre) cho biết: Năm 2004, trong lễ ăn hỏi của anh và chị Hồ Thị Khiên (sinh năm 1989, bản Cà Xen, Quảng Bình), nhà gái đã gây khó dễ cho gia đình nhà trai, nguyên nhân là do trong quá trình ở rể, anh Hồ Nam đã có một số hành vi ứng xử tùy tiện, nhiều lần uống rượu say. Để giải quyết vấn đề, ông Rừng phải bưng bát nền sáp ong quỳ xin gia đình nhà gái liên tục trong 6 giờ (từ 18 giờ đến 0 giờ) và phải nộp phạt một số tiền, nhà gái mới đồng ý nhận lễ và cho tổ chức đám cưới.

Thành phần nhà trai đi ăn hỏi gồm: ông Rừng, ông Cau, chú rể, cha mẹ chú rể, một số anh em, chú bác, cô, cậu, dì. Phía nhà gái có ông Thào Ke, cha mẹ cô dâu và một vài người thân. Thời gian tổ chức lễ ăn hỏi vào buổi chiều tối (sau 18 giờ), và nhà trai phải đến nhà gái trước 18 giờ. Những người tham gia đi ăn hỏi phải mang theo lễ vật gồm: 2 con lợn (1 con lớn và 1 con bé); gà (ít nhất 1 con); 10 cái bát ăn cơm; 2-4 cái bát to; 3 cái nôi; 3 cái dao; 1 cái rìu; 1 tấm vải; 1 bộ quần áo, 1 đĩa trầu cau, thuốc lá, rượu (tối thiểu 1 chai), gạo nếp, 1 bó chè xanh. Ngoài ra, nhà trai có thể gửi thêm cho nhà gái một số tiền nhưng không nhiều. Các lễ vật này dùng để thực hiện nghi thức thờ cúng, tổ chức ăn uống trong đám cưới và làm quà hồi môn cho đôi vợ chồng.

Khi phía nhà gái đồng ý nhận lễ vật, ông Rừng mời cô dâu, chú rể ăn trầu và tuyên bố 2 người chính thức trở thành vợ chồng. Cha cô dâu nhận đĩa trầu cau đưa vào buồng để báo cáo sự việc với ma nhà và xin tổ tiên, ông bà cho phép hai gia đình tổ chức nghi lễ đám cưới cho con cái.

4. Các nghi lễ trong đám cưới

Theo phong tục của đồng bào, sau khi kết thúc lễ ăn hỏi, hai gia đình bước vào thực hiện nghi lễ đám cưới

* Lễ bắt bếp (Lễ Cù mụych Po ta pe)

Lễ bắt bếp được thực hiện bằng hai phương thức: cúng sống và cúng chín. Trong lễ cúng sống, cô dâu cầm đôi đũa bếp đánh mạnh vào cổ con gà 3 lần, chú rể nhỏ một ít lông trên lưng con lợn bỏ vào bếp làm cho các con vật này kêu lên. Mục đích của việc cúng sống là để ma bếp chứng kiến sự chuẩn bị lễ vật đầy đủ của gia đình nhà trai và mong không bị trách phạt.

Thực hiện xong lễ cúng sống, người thân của hai gia đình mang lợn, gà ra làm thịt lấy nội tạng và một số bộ phận để làm lễ cúng chín. Lễ vật cúng chín gồm: 1 nồi canh nấu các loại nội tạng của lợn, gà và đầu con gà, 1 nồi cơm. Cha cô dâu hoặc chú rể lấy 2 chân gà, 2 chân lợn, 1 vòng cườm của mẹ cô dâu và đôi đũa bếp buộc lại với nhau tượng trưng cho sự đoàn kết và no đủ, sau đó cả 4 người cầm lần lượt giơ lên nồi canh và nồi cơm, cha mẹ cô dâu đọc bài cúng cầu xin ma bếp giúp đỡ đôi vợ chồng trẻ làm ăn thuận lợi.

* Lễ ăn chung

Lễ ăn chung được thực hiện ngay tại gian bếp, nơi cha mẹ cô dâu thường ngồi ăn cơm. Lễ vật gồm: 1 rổ cơm và 1 rổ thức ăn. Thực hiện nghi lễ, cha mẹ và cô dâu, chú rể ngồi bốn góc lần lượt cầm đũa chỉ vào rổ thức ăn và rổ cơm vừa giả vờ ăn, vừa nói rằng từ nay chàng rể đã trở thành người một nhà, cùng ăn cơm, uống nước, sống hòa thuận với gia đình nhà gái và cầu mong thần linh che chở phù hộ. Sau đó, cha mẹ đẩy rổ cơm về phía hai người con, hai người con đẩy rổ thức ăn về phía cha mẹ nhằm thể hiện sự quan tâm của cha mẹ đối với con cái và

của con cái đối với cha mẹ, thể hiện sự đoàn kết, thương yêu trong gia đình.

* Lễ cúng ma nhà (Lễ Cù mụych Cờ nó)

Để thực hiện lễ cúng ma nhà, chú rể phải trùm một tấm vải hoặc cái áo màu trắng lên đầu cùng cô dâu quỳ xuống trước lễ vật hướng về cột nhà ma và lạy 3 lạy. Sau đó, cha cô dâu đưa lễ vật vào buồng, thấp nền sập ong, thông báo với tổ tiên, ông bà rằng hôm nay là ngày lành tháng tốt, hai gia đình tổ chức đám cưới cho con cái, có đầy đủ lễ vật, chàng rể đã là một thành viên trong gia đình và cầu xin tổ tiên, ông bà luôn phù hộ cho con cháu, cho cả hai gia đình mạnh khỏe, gặp nhiều may mắn.

* Lễ cúng ma rú (Cù mụych Ở gấu)

Thực hiện xong lễ cúng ma nhà, mâm lễ vật và con lợn tiếp tục được đưa ra phía ngoài căn nhà, đặt trước sân hoặc bên hiên để cúng ma rú. Người thực hiện nghi lễ không quy định cụ thể, có thể là một thành viên phía gia đình nhà trai hoặc nhà gái, nhưng phải là người am hiểu các bài cúng, am hiểu về thần linh. Người cúng khoác tấm vải hoặc áo trắng lên vai hú lên 3 tiếng gọi ma, lạy 3 lạy về phía rừng và thông báo với ma rú sự kiện đám cưới của đôi bạn trẻ, phía nhà trai có đầy đủ lễ vật và hai gia đình thực hiện đủ các bước nghi lễ. Đồng thời xin ma rú, ma rừng phù hộ cho đôi vợ chồng trẻ sản xuất, săn bắn gặp nhiều may mắn, tìm được những bãi đất thuận lợi để sê rẫy, mùa màng bội thu, không bị thú rừng phá hoại, không gặp những tai nạn khi đi rừng... Sau đó, hai gia đình tổ chức ăn cỗ, uống rượu đến tận sáng và những ngày tiếp theo.

* Lễ giao dâu (Lễ cháo dâu)

Theo phong tục của người Mã Liềng, sau lễ ăn hỏi, lễ ăn chung và các nghi thức cúng ma bếp, ma nhà, ma rú, chú rể và cô

dâu phải ngủ lại nhà gái 5 đêm, 5 ngày. Đến sáng ngày thứ 6, hai gia đình tổ chức làm lễ giao dâu. Thành phần đi giao dâu gồm: ông Rừng, ông Cau, ông Thảo Ke, cha mẹ cô dâu và cô dâu. Lễ vật nhà gái chuẩn bị đi giao dâu gồm: 1 con gà, 1 đĩa trầu cau, 1 cái chần, 1 miếng vải trắng, 2 cái bát, 1 chai rượu, thuốc lá. Khi về nhà chồng, mẹ chồng hoặc chị gái chồng, chị dâu chồng đón cô dâu lên cầu thang bên phải nơi có gian bếp của ngôi nhà.

Các bước thực hiện trong lễ giao dâu cũng gồm các nghi thức: bắt bếp, ăn chung, cúng ma nhà nhưng có một số thay đổi nhỏ, như: không làm lễ cúng ma rú, trong lễ bắt bếp không có con lợn sống, trong lễ cúng ma nhà chỉ có cô dâu thực hiện nghi lễ...

** Lễ lại mặt (Lễ Ở ếch lại)*

Lễ giao dâu kết thúc, đôi vợ chồng trẻ phải ngủ ở nhà cha mẹ chồng 5 đêm, 5 ngày, đến sáng ngày thứ 6 phải làm lễ lại mặt về gia đình nhà gái. Về nhà gái, đôi vợ chồng chuẩn bị 1 con gà và 1 con lợn nhỏ. Lễ lại mặt cũng trải qua các bước: bắt bếp, ăn chung và cúng ma nhà. Kết thúc lễ lại mặt, đôi vợ chồng trẻ cũng ở lại gia đình cha mẹ vợ 5 đêm, 5 ngày, đến sáng ngày thứ 6 mới trở về nhà chồng, kết thúc các nghi lễ hôn nhân, bước vào một cuộc sống mới. Như vậy, một đám cưới truyền thống của người Mã Liềng kể từ nghi lễ ăn hỏi đến hết lễ lại mặt được thực hiện trong 15 ngày với nhiều nghi lễ thờ cúng và nhiều lễ vật kèm theo.

5. Cư trú sau hôn nhân

Trong luật tục của người Mã Liềng, nghi lễ đám cưới là một điều kiện bắt buộc đối với đôi trai gái khi tiến đến hôn nhân. Sau khi tổ chức lễ cưới, đôi vợ chồng trẻ về sống chung cùng với cha mẹ chồng đến khi nào có điều kiện làm nhà ra ở riêng. Nếu đôi vợ chồng nào chưa tổ chức được đám cưới

để trở thành ma một nhà thì vẫn được cộng đồng thừa nhận là vợ chồng nhưng không được ở cùng nhà với cha mẹ chồng hay cha mẹ vợ mà phải làm nhà riêng để ở với nhau đến khi nào tổ chức đám cưới mới được trở về ở cùng nhà với bố mẹ. Việc làm ngôi nhà riêng đó ở đâu, gần nhà vợ hay chồng tùy thuộc vào sự thỏa thuận của đôi vợ chồng trẻ. Ông Hồ Pắc (sinh năm 1965, bản Rào Tre) cho biết, người Mã Liềng thường thích cư trú riêng sau hôn nhân. Qua khảo sát tại bản Rào Tre, có 19/41 hộ còn cha mẹ, trong đó chỉ có 4/19 hộ sống chung với cha mẹ: 1 hộ ở với mẹ vợ, 2 hộ ở với cha mẹ chồng, 1 hộ ở với cha mẹ vợ; còn lại 15/19 hộ ra ở riêng sau khi kết hôn^(*).

6. Lễ cưới ra

Theo quan niệm của người Mã Liềng, để cuộc sống hạnh phúc, gặp nhiều may mắn, mỗi cặp vợ chồng phải trải qua 2 lần cưới mà đồng bào gọi là cưới vào và cưới ra, nhưng không phải là quy định bắt buộc cho tất cả mọi người. Lễ cưới ra được tổ chức khi có đầy đủ các điều kiện: Tổ chức lễ cưới vào; Cha, mẹ (hoặc một trong hai người) của người vợ vẫn còn sống; Có điều kiện về kinh tế. Thời gian tổ chức lễ cưới ra thường từ 5-10 năm kể từ ngày tổ chức lễ cưới vào. Lễ cưới ra được tổ chức tại nhà cha mẹ vợ, gồm các nghi thức: bắt bếp, ăn chung, cúng ma nhà, ma rú nhưng đơn giản hơn so với lễ cưới vào. Lễ vật cưới ra gồm: 1 con lợn và 1 con gà. Lễ cưới ra kết thúc, đôi vợ chồng phải ngủ lại nhà cha mẹ vợ 5 đêm, 5 ngày, đến sáng ngày thứ 6 cả gia

^(*) Số liệu tác giả khảo sát thực tế vào tháng 7/2017. Bài viết cũng sử dụng tư liệu phỏng vấn một số người tại bản Rào Tre như các ông: Hồ Do (sinh năm 1955), Hồ Nhâm (sinh năm 1963), Hồ Nam (sinh năm 1987), Hồ Púc (sinh năm 1955), Hồ Phụng (sinh năm 1950), Hồ Pắc (sinh năm 1965).

đình làm lễ ăn chung, sau đó đôi vợ chồng về nhà của mình, kết thúc lễ cưới ra. Mục đích chính của lễ cưới ra nhằm cầu xin các loại ma phù hộ cho cha mẹ, con cái luôn được khỏe mạnh, cuộc sống yên ổn. Qua khảo sát và phỏng vấn hồi cố trên địa bàn bản Rào Tre, từ năm 1976 đến nay, đã có 35/55 cặp vợ chồng tổ chức lễ cưới vào, nhưng chỉ có 6/35 cặp vợ chồng tổ chức lễ cưới ra.

7. Kết luận

Qua nghiên cứu về hôn nhân của người Mã Liềng ở Hà Tĩnh cho thấy, việc lựa chọn và lập gia đình chủ yếu là do đôi trai gái tự nguyện đến với nhau, và theo quan niệm của họ, để hôn nhân hạnh phúc, một cặp vợ chồng phải trải qua 2 lần tổ chức đám cưới. Việc tổ chức đám cưới ảnh hưởng đến vấn đề cư trú sau hôn nhân và liên quan đến tập quán tín ngưỡng của đồng bào. Người Mã Liềng cho rằng, nếu đôi vợ chồng chưa tổ chức được đám cưới thì còn một món nợ lớn đối với các loài ma, còn nợ bà con dân bản. Họ sống trong sợ hãi rằng có thể bị các loại ma trách phạt làm cho ốm đau, bệnh tật, gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống.

Dù còn những hạn chế nhất định nhưng các nghi lễ hôn nhân của người Mã Liềng ở Hà Tĩnh chứa đựng nhiều giá trị tốt đẹp cần được gìn giữ và phát huy. Điển hình là nét đẹp trong văn hóa ứng xử của con cái đối với người cha, người mẹ của mình. Một trong những nội dung chính của nghi lễ đám cưới của người Mã Liềng là cầu xin thần linh cho cha mẹ luôn mạnh khỏe, sống lâu, nếu không còn cha mẹ thì lễ cưới ra cũng không được tổ chức.

Đám cưới của người Mã Liềng có thể nói là ngày lễ, ngày hội long trọng nhất của đồng bào trong năm, qua đó thể hiện một

nét đẹp văn hóa về tình đoàn kết, gắn bó tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống. Đám cưới diễn ra có sự tham gia của hầu hết mọi thành viên trong bản, ai có gì thì ủng hộ nấy, dù chỉ là một bát gạo, vài con cá, một ít măng rừng hay chai rượu,... thậm chí không có gì cũng có thể tham gia, mỗi người phụ giúp một tay cho hai gia đình dọn dẹp, làm các lễ vật. Sau khi hoàn thành các thủ tục nghi lễ, mọi người cùng uống rượu, nhảy múa suốt đêm khuya để chúc mừng cho đôi vợ chồng trẻ.

Những nét đặc sắc trong tập quán hôn nhân của nhóm người Mã Liềng ở Hà Tĩnh là một kho tàng giá trị nhân văn tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc Chứt nói riêng và các dân tộc Việt Nam nói chung cần được bảo tồn và phát huy □

Tài liệu tham khảo

1. UBND xã Hương Liên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, *Danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã*, tháng 12/2016, Bản đánh máy.
2. UBND xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, *Danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã*, tháng 5/2017, Bản đánh máy.
3. UBND xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, *Danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã*, tháng 5/2017, Bản đánh máy.
4. UBND xã Trọng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, *Danh sách các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã*, tháng 7/2017, Bản đánh máy.
5. Viện dân tộc học (1978), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.